TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/5/2020
V/v *"Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bá Đường;
2. Ông Trần Trung Kiên;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2020/TLST - HNGĐ ngày 06/02/2020 về việc kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị N - sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Hứa Văn Y- Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản T, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị N trình bày: Chị và anh Hứa Văn Y kết hôn với nhau ngày 21/12/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Phúc trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Y không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều. Chị N và gia đình đã khuyên giải anh Y nhiều lần nhưng anh Y vẫn không thay đổi. Năm 2017, Chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh Y. Đến năm 2018 anh Y đã viết cam kết sẽ tu chí, không chơi bời nữa nên Chị N đã tha thứ và cho anh Y cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên chỉ được một thời gian, anh Y vẫn chứng nào tật đấy không thay đổi, vợ chồng anh chị tiếp tục sống ly thân từ năm 2019 và không quan tâm đến nhau. Đến nay, Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hứa Văn Y.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung: Cháu Hứa Huy H sinh ngày 07/11/2012, từ khi vợ chồng chị mâu thuẫn và sống ly thân cháu H vẫn ở với Chị N. Khi ly hôn, Chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hứa Văn Y: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Hứa Văn Y và tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho anh Hứa Văn Y nhưng anh Y không có văn bản trả lời và cũng không đến toà án làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải , vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị N:

-Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị N được ly hôn với anh Hứa Văn Y.

- Về con chung: Giao cháu Hứa Huy H sinh ngày 07/11/2012 cho chị Lý Thị N trực tiếp trông nom nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hứa Văn Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuyên quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung cho các đương sự. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

Tại phiên toà chị Lý Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Hứa Văn Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hứa Văn Y.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hứa Văn Y kết hôn với nhau ngày 21/12/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Phúc trên cơ sở tự nguyện.

Do vậy hôn nhân giữa Chị N và anh Y được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Y không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều. Năm 2017 Chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh Y, đến năm 2018 anh Y đã viết cam kếtvới gia đình sẽ tu chí, không chơi bời nữa nên Chị N đã tha thứ và cho anh Y cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Y vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi, nên từ năm 2019 vợ chồng anh chị tiếp tục sống ly thân không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Như vậy cuộc sống vợ chồng giữa Chị N và anh Y đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung cháu Hứa Huy H sinh ngày 07/11/2012. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay cháu Hoàng vẫn ở với Chị N. Xét thấy chị Lý Thị N có nghề nghiệp và có mức thu nhập 5.000.000 đồng/tháng, Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hoàng và không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy cần giao cháu Hứa Huy H cho chị Lý Thị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh Hứa Văn Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lý Thị N và anh Hứa Văn Y.

2.Về con chung: Giao cháu Hứa Huy H sinh ngày 07/11/2012 cho chị Lý Thị N trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hứa Văn Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hứa Văn Y được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001717 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã Long Phúc (nay là UBND xã Phúc Khánh);
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh